TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 88/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-11-2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà **Trần Thị Phúc**;
Ông**Nguyễn Công Lập**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Bùi Văn Cương**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 231/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Vương Thị Ngọc H**, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 4, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 4, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh ; tạm trú: ấp 5, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 04/3/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vương Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông U sống chung từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Trải qua thời gian chung sống ông bà thường mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, ông U không chăm lo cho gia

đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đã ly thân hơn 02 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông U.

Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Bảo D, sinh ngày 23/9/2008 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 01/10/2012. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn U trình bày:

Ông và bà H sống chung từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Cách đây khoảng 03-04 năm bà H tự ý về nhà chị ruột ở Long An sống, thỉnh thoảng cũng có về thăm nhà nhưng 02 năm nay không về nữa. Nay ông không còn tình cảm với bà H nhưng không đồng ý ly hôn.

Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Bảo D, sinh ngày 23/9/2008 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 01/10/2012, đang sinh sống với bà. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao hai con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông U.

+ Giao 02 con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận bà H và ông U đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Vương Thị Ngọc H là Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn U là Bị đơn đã được Tòa

án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H, ông U.

[2] Về hôn nhân: Bà H cho rằng bà và ông U chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn ngày 20/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn do bà cung cấp. Bà cho rằng quá trình chung sống ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn khoảng hơn 02 năm nay không hàn gắn được. Bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn. Ông U thừa nhận không còn tình cảm với bà H nhưng không đồng ý ly hôn. Ông Vương Văn Xây là cha ruột của bà H cho biết bà H và ông U đã không còn chung sống với nhau khoảng 02 năm nay, mâu thuẫn của hai bên đã không thể nào hàn gắn được. Từ đó cho thấy: Ông bà thực tế có mâu thuẫn với nhau trong một khoảng thời gian dài không điều hòa được. Bà H không còn tình cảm với ông U và ông U cũng xác định không còn tình cảm với bà H. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định ông bà không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Bảo D, sinh ngày 23/9/2008 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 01/10/2012. Ông U đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng, bà H có nguyện vọng được nuôi hai con nên cần giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông U phải cấp dưỡng nuôi con. Ông U có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông U đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vương Thị Ngọc H đối với ông Nguyễn Văn U. Bà Vương Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

2- Về con chung: Bà Vương Thị Ngọc H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Bảo D, sinh ngày 23/9/2008 và

Nguyễn Bảo K, sinh ngày 01/10/2012. Ghi nhận bà Vương Thị Ngọc H không yêu cầu ông Nguyễn Văn U phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Văn U có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Vương Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn U đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí: Bà Vương Thị Ngọc H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015191 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (do ông Vương Xây là người nộp thay); bà Vương Thị Ngọc H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà H và ông U biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-UBND xã;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung